

TẠP CHÍ

NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

NĂM THỨ MƯỜI

SỐ 145 NĂM 2010
XUẤT BẢN 1 THÁNG 1 KỶ

TỔNG BIÊN TẬP
TS. BUI HUY HIẾN
ĐT: 04.38345457

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ĐÀM THỊ MỸ
ĐT: 04.37711069
PHẠM HÀ THÁI
ĐT: 04.37711070

TOÀ SOẠN - TRỊ SỰ
Số 10 Nguyễn Công Hoan
Quận Ba Đình - Hà Nội
ĐT: 04.37711072
Fax: 04.37711073
E-mail: ptnt@hn.vnn.vn

BỘ PHẬN THƯỜNG TRƯC
135 Pasteur
Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT/Fax: 08.38274089

Giấy phép số:
400/GP - BVHTT
Bộ Văn hoá - Thông tin cấp ngày
28 tháng 12 năm 2000.

In tại Xí nghiệp in II - Nhà in KH. CN
18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

Giá: 15.000đ

MỤC LỤC

- HỒ QUANG ĐỨC. Đặc điểm vi hình thái của một số loại đất miền Bắc Việt Nam 3-8
- TRẦN ĐÌNH ĐÀ, LÊ QUỐC DOANH. Đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng và gây trồng tài nguyên cây thuốc tại vùng đệm Vườn Quốc gia Ba Vì trên cơ sở kiến thức bản địa 9-16
- PHẠM NGỌC DUNG, HÀ VIẾT CƯỜNG, NGUYỄN VĂN TUẤT. Phân tích chuỗi Internal transcribed spacer (ITS) của nấm *Phytophthora tropicalis* gây bệnh chết nhanh hồ tiêu tại Việt Nam 17-22
- NGÔ THỊ MINH TÂM, BUI MẠNH CƯỜNG, PHÙNG QUỐC TUẤN. Kết quả nghiên cứu chọn tạo dòng ngô thuần năng suất cao và đánh giá khả năng kết hợp của các dòng triển vọng 23-27
- ĐỖ KIM THÀNH, NGUYỄN QUỐC CƯỜNG, NGUYỄN ĐỨC TÍN. Quy hoạch vô cạo cho chế độ cạo úp có kiểm soát trên cây cao su 28-33
- NGUYỄN DUY LÂM, NGUYỄN QUANG ĐỨC, VŨ ĐỨC CHIẾN. Tình chế và đánh giá chất lượng dầu của hạt cây chè xanh (*Camellia sinensis* var. *sinensis*) trồng ở Phú Thọ. 34-39
- NGUYỄN VĂN PHÁT. Mô hình lý thuyết nghiên cứu ảnh hưởng chiều dài lưỡi đào và độ sâu rãnh đến khả năng tung đất của bộ phận làm việc quay nghịch của máy đào rãnh trong nông nghiệp 40-45
- VŨ KẾ HOẠCH, NGUYỄN HAY, LÊ ANH ĐỨC, DOROKHOV I. N. Nghiên cứu xác định độ ẩm cân bằng của mật ong 46-51
- HỒ HỮU HẢI. Nghiên cứu bộ điều khiển mở cho hệ thống động lực trong nông nghiệp, nông thôn 52-57
- LÊ ĐỨC NGOAN, LÊ THỊ LAN PHƯƠNG. Ảnh hưởng của sử dụng bột cá trong thức ăn viên đến sức sản xuất của thỏ nuôi thịt 58-62
- TẠ NHÂN ÁI, NGUYỄN TIẾN VŨ. Nghiên cứu ảnh hưởng của các chế độ bổ sung thức ăn khác nhau ở bê đực phương trong giai đoạn bú sữa từ 0 đến 12 tuần tuổi: II. Sự phát triển của niêm mạc dạ cỏ 63-67
- PHAN XUÂN HẢO. Năng suất sinh sản và sinh trưởng của các tổ hợp lai giữa nái lai F₁ (Landrace × Yorkshire) phối với đực lai Landrace × Duroc (Omega) và Pietrain × Duroc (PiDu) 68-72
- LÊ XUÂN SINH, NGUYỄN THANH LONG, ĐỖ MINH CHUNG. Nghề lưới kéo ven bờ ở đồng bằng sông Cửu Long 73-80
- NGUYỄN HỮU NINH. Nghiên cứu chỉ thị phân tử vi vệ tinh (Microsatellite) để chọn giống cá chép (*Cyprinus carpio*) 81-87
- PHÍ HÙNG CƯỜNG. Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nhằm khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng thượng nguồn lưu vực sông Cầu tỉnh Bắc Kạn 88-93
- ĐÀO XUÂN THU. Nghiên cứu một số tính chất cơ học của gỗ mỡ 15 tuổi tại tỉnh Tuyên Quang 94-97
- HOÀNG VĂN CHỨC. Nghiên cứu đặc điểm tái sinh tự nhiên loài vối thuốc (*Schima wallichii choisy*) ở các trạng thái rừng tự nhiên phục hồi tại huyện Lục Ngạn và Lục Nam, tỉnh Bắc Giang 98-102
- PHẠM XUÂN QUÝ. Xây dựng biểu cấp đất rừng tràm (*Melaleuca cajuputi*) ở khu vực Tây Nam bộ 103-108
- VŨ ĐÌNH LONG, THÁI THÀNH LƯỢNG. Sử dụng chỉ số chất lượng đất (SQI - Soil quality index) để đánh giá hiện trạng chất lượng đất rừng ở Vườn Quốc gia Phú Quốc 109-114
- PHAN THỊ BẢO CHI. Mối quan hệ giữa tài nguyên đất ngập nước trong hệ sinh thái rừng khộp và sinh kế của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở vườn quốc gia Yok Đôn tỉnh Đắc Lắc 115-119
- ĐẶNG THÁI DƯƠNG. Sự đa dạng loài và tổ thành thực vật của các trạng thái rừng tại đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị 120-125
- LÊ TRỌNG HÙNG. Nghiên cứu định giá môi trường rừng đặc dụng để cho thuê kinh doanh du lịch sử dụng phương pháp thu lợi 126-132

**VIETNAM JOURNAL OF
AGRICULTURE AND RURAL
DEVELOPMENT**

**THE TENTH YEAR
No. 145 - 2010**

**Editor-in-Chief
Dr. BUI HUY HIEN
Tel: 04.38345457**

**Deputy Editor-in-Chief
BS. DAM THI MY
Tel: 04.37711069
BS. PHAM HA THAI
Tel: 04.37711070**

**Head-office
No 10 Nguyenconghoan
Badinh - Hanoi - Vietnam
Tel: 04.37711072
Fax: 04.37711073
E-mail: ptnt@hn.vnn.vn**

**Representative Office
135 Pasteur
Dist 3 - Hochiminh City
Tel/Fax: 08.38274089**

**Printing in Science and
Technology Printing House**

CONTENTS

- | | | |
|--------------------------|---|----------|
| <input type="checkbox"/> | HO QUANG DUC. The micromorphologic characteristics of some soil units of the Northern Viet Nam | 3-8 |
| <input type="checkbox"/> | TRAN BINH DA, LE QUOC DOANH. Assessment of status of exploitation, utilization and cultivation on natural medicinal plants in BaVi national park buffer zone based on indigenous knowledge | 9-16 |
| <input type="checkbox"/> | PHAM NGOC DUNG, HA VIET CUONG, NGUYEN VAN TUAT. Analysis of internal transcribed (ITS) region of <i>Phytophthora tropicalis</i> causing quick wilt disease of black pepper in Viet Nam | 17-22 |
| <input type="checkbox"/> | NGO THI MINH TAM, BUI MANH CUONG, PHUNG QUOC TUAN. Results of development of high yielding maize inbred lines and evaluation of combining ability for promising lines | 23-27 |
| <input type="checkbox"/> | DO KIM THANH, NGUYEN QUOC CUONG, NGUYEN DUC TIN. Planning for rubber tapping under controlled upturning chipping management | 28-33 |
| <input type="checkbox"/> | NGUYEN DUY LAM, NGUYEN QUANG DUC, VU DUC CHIEN. Refining and characterizing of edible oil extracted from Phu Tho green tea seeds (<i>Camellia sinensis</i> var. <i>sinensis</i>) | 34-39 |
| <input type="checkbox"/> | NGUYEN VAN PHAT. The theoretical model for the research on the influence of the length of digging blade and the depth of its slots on the ability to turn over the soil of the inverting part of the furrow digger in farming | 40-45 |
| <input type="checkbox"/> | VU KE HOACH, NGUYEN HAY, LE ANH DUC, DOROKHOV.I. N. Research on determination of equilibrium moisture content of honey | 46-51 |
| <input type="checkbox"/> | HO HUU HAI. Study to propose fuzzy controller for motive system on agricultural mobile working machinery | 52-57 |
| <input type="checkbox"/> | LE DUC NGOAN, LE THI LAN PHUONG. Effect of inclusion of fish meal in pellets on growth performance of meat rabbits | 58-62 |
| <input type="checkbox"/> | TA NHAN AI, NGUYEN TIEN VON. Effects of supplementary diets on the development of rumen histological characteristics in local calves from 0 to 12 weeks old: II. The development of rumen papillae | 63-67 |
| <input type="checkbox"/> | PHAN XUAN HAO. Reproductive performance and growth rate of crossbreds between F ₁ (Landrace × Yorkshire) sow mated with Landrace × Duroc (Omega) and Pietrain × Duroc (PiDu) crossbred boars | 68-72 |
| <input type="checkbox"/> | LE XUAN SINH, NGUYEN THANG LONG, DO MINH CHUNG. Small scal trawling fisheries in the Mekong delta | 73-80 |
| <input type="checkbox"/> | NGUYEN HUU NINH. Microsatellite markers in genetic selection of common carp (<i>Cyprinus carpio</i>) | 81-87 |
| <input type="checkbox"/> | PHI HUNG CUONG. Evaluation of the present condition and promote solution to exploit and use suitably remote forest resource on the Cau river valley in Bac Kan province | 88-93 |
| <input type="checkbox"/> | DAO XUAN THU. Research on some mechanical characteristics of 15 year old <i>Manglietia conifera</i> Dandy wood in Tuyen Quang province | 94-97 |
| <input type="checkbox"/> | HOANG VAN CHUC. Research on natural regeneration characteristics of <i>schima wallichii</i> Choisy in rehabilitation forests in Luc Ngan an Luc Nam districts, Bac Giang province | 98-102 |
| <input type="checkbox"/> | PHAM XUAN QUY. Making up the soil grading table for Melaleuca forests at western region of the South Viet Nam | 103-108 |
| <input type="checkbox"/> | VO DINH LONG, THAI THANH LUOM. Using of soil quality index (SQI) to assess forest soil quality of Phu Quoc national park | 109-114 |
| <input type="checkbox"/> | PHAN THI BAO CHI. Relationship between <i>dipteroocarpaceae</i> . forest ecosystems' wetlands resources and ethnic minority livelihood of Yor Don national park, Dak Lak province | 115-119 |
| <input type="checkbox"/> | DANG THAI DUONG. The diversity of plants and the plant species composition of forest types in Con Co island, Quang Tri province | 120- 125 |
| <input type="checkbox"/> | LE TRONG HUNG. Research on determination of environmental price of special use forests for tourism purpose leasing using benefit method | 126-132 |

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ GÂY TRỒNG TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA BA VÌ TRÊN CƠ SỞ KIẾN THỨC BẢN ĐỊA

Trần Bình Đà¹, Lê Quốc Doanh²

TÓM TẮT

Vùng đệm Vườn Quốc gia (VQG) Ba Vì, Hà Nội không chỉ chứa đựng nguồn tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng mà còn chứa đựng nguồn tài nguyên tri thức bản địa quý giá của cộng đồng dân tộc Dao, đặc biệt là các kiến thức về nguồn tài nguyên cây thuốc. Bằng phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) đã xác định tại vùng đệm VQG Ba Vì trên 70% hoạt động nghề thuốc, gồm: trồng trọt, thu hái, chế biến và tiêu thụ được đảm nhiệm bởi người phụ nữ. Trong đó, hoạt động trồng trọt, thu hái và chế biến tập trung chủ yếu ở những người có độ tuổi dưới 50 và hoạt động tiêu thụ tập trung ở nhóm phụ nữ trên 50 tuổi. Các kiến thức bản địa đó thể hiện qua: Khả năng xác định vị trí và ước lượng số lượng cây thuốc trên các loại hình sử dụng đất khác nhau, trong đó 60% có trong rừng tự nhiên. Đã phân biệt 133 loài cây thuốc của 61 họ thực vật, xác định rõ thời vụ thu hái, chế biến và tiêu thụ cây thuốc và các kiến thức trong việc gây trồng và phát triển một số loài cây thuốc có giá trị cao. Việc chủ động mở rộng qui mô gây trồng một số loài cây thuốc là yêu cầu rất thiết thực nhằm giảm sức ép khai thác cây thuốc tự nhiên lên Vườn Quốc gia Ba Vì, đồng thời đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của thị trường thuốc nam.

Từ khóa: *Cây thuốc, dân tộc Dao, kiến thức bản địa.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguồn tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam vô cùng phong phú và đa dạng, trong đó khu vực Vườn Quốc gia Ba Vì, Hà Nội là một trong những kho cây thuốc tự nhiên rất có giá trị. Hơn thế nữa, khu vực này còn chứa đựng một nguồn tài nguyên tri thức bản địa của các cộng đồng dân tộc thiểu số, đặc biệt là người phụ nữ dân tộc Dao trong việc sử dụng kho cây thuốc quý. Tuy nhiên, trong những năm gần đây nguồn tài nguyên quý giá này đang bị cạn kiệt do hoạt động khai thác, sử dụng quá mức, nhiều loài cây thuốc đang đứng trên bờ vực tuyệt chủng và cùng với nó là các tri thức sử dụng đang bị thất truyền.

Người Dao sinh sống trong vùng đệm của Vườn Quốc gia Ba Vì có truyền thống trong việc khai thác, sử dụng cây thuốc, nó được coi như một tín ngưỡng của họ. Người Dao nơi đây coi tài nguyên cây thuốc trong vườn quốc gia như một nguồn cung cấp vô tận nên họ tự do khai thác, do vậy làm suy giảm đa dạng sinh học cây thuốc nghiêm trọng.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng nguồn tài nguyên cây thuốc gắn với tri thức bản địa về nghề thuốc của người phụ nữ dân tộc Dao trong khu vực vùng đệm của VQG Ba Vì.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện chủ yếu bằng phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) để điều tra nhanh hiện trạng khai thác, sử dụng, gây trồng và tiêu thụ cây thuốc của các hộ gia đình (HGD) người Dao. Các công cụ PRA đã áp dụng gồm:

Điều tra tuyến và phân tích sơ đồ lát cắt; phỏng vấn cán bộ thôn/xã, thảo luận nhóm nông dân nông cốt; phân loại hộ gia đình trên cơ sở các tiêu chí nghề thuốc do người dân đưa ra; phân loại, xếp hạng cho điểm các đối tượng cây thuốc; phân tích lịch mùa vụ về các hoạt động thu hái, gây trồng cây thuốc; phỏng vấn hộ gia đình bằng bộ câu hỏi bán cấu trúc.

180 hộ gia đình tại khu vực vùng đệm đã được điều tra/phỏng vấn, và các cộng tác viên nông cốt tham gia trong quá trình nghiên cứu là nữ (100%) và biết nghề thuốc.

Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp tra cứu theo danh lục phân loại thực vật học, bảng tiêu chuẩn đánh giá mức độ suy giảm của các loài thực vật, đồng thời kế thừa và phân tích các tài liệu thứ cấp. Số liệu thu thập được tổng hợp và xử lý trên phần mềm ứng dụng Excel.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Vai trò giới, độ tuổi trong hoạt động nghề thuốc của người Dao

¹ Trường Đại học Lâm nghiệp (VFU).

² PGS. TS. Viện KHKT Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc (NOMAFSI)

Nghề thuốc nam của hộ gia đình người Dao – Ba Vi gồm các hoạt động: trồng trọt, thu hái, chế biến và tiêu thụ. Trong cộng đồng người Dao, mỗi hoạt động

làm thuốc được phân công cho những người khác nhau tùy thuộc vào giới tính, độ tuổi. Các đặc điểm này được tổng hợp và mô tả trong bảng 1.

Bảng 1. Độ tuổi, giới tính và các hoạt động nghề thuốc của người Dao – Ba Vi

Hoạt động	Tỉ lệ lao động tham gia vào các hoạt động nghề thuốc (%)									
	< 20 tuổi		20 – 35 tuổi		36 – 50 tuổi		51 – 65 tuổi		> 65 tuổi	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Trồng trọt	-	5,0	10,0	30,0	-	40,0	-	10,0	-	5,0
Thu hái	-	-	5,0	15,0	20,0	35,0	5,0	20,0	-	-
Chế biến	-	-	5,0	7,0	25,0	35,0	8,0	15,0	-	5,0
Tiêu thụ	-	-	-	5,0	-	10,0	-	80,0	-	5,0

Nguồn: Kết quả điều tra và thảo luận nhóm nông cốt, 2009

Kết quả nghiên cứu ghi ở bảng 1 cho thấy, hành nghề thuốc trong cộng đồng người Dao ở Ba Vi chủ yếu là nữ giới, trong đó tập trung nhiều nhất ở độ tuổi từ 35 đến 65. Trong các hoạt động làm thuốc thì nữ giới đóng vai trò chủ yếu, chiếm khoảng 70 – 80%, còn lại khoảng 20 - 30% vai trò của nam giới. Nữ giới ở độ tuổi trung niên (36 – 50 tuổi) chủ yếu tham gia vào hoạt động trồng trọt, thu hái và chế biến. Riêng hoạt động tiêu thụ lại nhờ vào vai trò của người phụ nữ lớn tuổi (51 – 65 tuổi). Nghề thuốc nam là một nghề đòi hỏi nhiều kinh nghiệm và kiến thức, vì vậy để đảm bảo khám (bắt mạch) và chữa trị cho bệnh nhân hiệu quả thì người già thường được tin tưởng hơn. Do đó, việc tiêu thụ (bốc thuốc và bán thuốc) chủ yếu do người cao tuổi đảm nhiệm. Nam giới không đóng vai trò gì đối với hoạt động tiêu thụ cây thuốc. Hơn nữa, theo tục lệ của người Dao nơi đây, nghề thuốc gia truyền thường chỉ truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác thông qua người phụ nữ, cụ thể là ‘từ mẹ chồng sang con dâu’. Ngoài ra, con gái, con trai và người trẻ tuổi trong cộng đồng cũng được truyền dạy một số tri thức bản địa thông thường về nghề thuốc.

2. Kiến thức bản địa về hiện trạng nguồn tài nguyên cây thuốc

a. Vị trí phân bố nguồn cây thuốc của người Dao - Ba Vi

Tổng hợp kết quả điều tra tuyến lát cắt và thảo luận nhóm nông cốt cho thấy, các loài cây thuốc mà người Dao – Ba Vi thu hái và sử dụng tồn tại trên 4 dạng thảm thực vật. Trong đó, cây thuốc tập trung chủ yếu trong các khu rừng nguyên sinh (chiếm 60%), trên nương rẫy và rừng thứ sinh chỉ chiếm 20%

và 20% còn lại tập trung trên đất vườn nhà và đất ruộng.

b. Tính đa dạng cây thuốc của người Dao - Ba Vi

Kết quả điều tra tuyến và phỏng vấn người dân cho thấy, người Dao ở Ba Vi biết và sử dụng tới 133 loài cây thuốc. Đã xác định chúng thuộc 61 họ, trong đó có 8 họ tập trung nhiều loài cây thuốc nhất. Trong 133 loài cây thuốc đã xác định, có 25 loài được người Dao đánh giá là có giá trị cao và thường xuyên được sử dụng trong các bài thuốc (Bảng 2). Hầu hết 25 loài cây thuốc này được người dân đánh giá với thang điểm khá cao (đa phần đạt 7 – 10 điểm trên thang điểm 10) cho 2 chỉ tiêu chính là giá trị dược tính và giá trị kinh tế. Tuy nhiên, mức độ xuất hiện của các loài cây thuốc này trong tự nhiên lại rất thấp (đa phần dưới 5 điểm trên thang điểm 10). Điều này chứng tỏ các loài cây thuốc có giá trị đang ngày càng trở nên khan hiếm. Đặc biệt, 4 loài đạt điểm cao tuyệt đối về giá trị làm thuốc là: Lá khô, Củ dôm, Hoàng đằng, Hoa tiên thì lại càng hiếm gặp ở khu vực này do hoạt động khai thác diễn ra mạnh mẽ trong nhiều năm. Các loài này cũng đã có tên trong Sách đỏ Việt Nam - 2007 và Danh lục đỏ Việt Nam – 2007.

Số liệu bảng 2 cũng cho thấy, cả 25 loài đều là những cây thuốc được sử dụng chủ yếu trong các bài thuốc thông dụng. Vì vậy, do nhu cầu sử dụng ngày càng tăng nên các loài cây thuốc đều bị suy giảm về số lượng trong những năm gần đây do việc khai thác quá mức. Kết quả đánh giá mức độ suy giảm của đa phần các loài đều ở mức cao (>76%). Hơn nữa, các hộ gia đình (HGD) người Dao không chỉ thu hái cây thuốc sử dụng trong gia đình, mà còn làm thuốc cung cấp cho thị trường, vì vậy nguồn nguyên liệu

làm thuốc suy giảm mạnh. Những loài cây thuốc này ngày càng xuất hiện ít dần trong tự nhiên.

Trong khu vực nghiên cứu, 6 loài cây thuốc gồm: Thạch xương bồ, Lá khô, Hoa tiên, Hoàng đằng, Rì rì, Củ dóm trong những năm gần đây đã bị khai thác cạn kiệt. Nhu cầu của thị trường đối với các loài cây thuốc này rất lớn, do vậy đòi hỏi các HGD khai thác, sử dụng cao ở mức A (tức là được xếp ở mức độ >75%). Khi các loài cây thuốc này càng hiếm thì việc khai thác kiệt - thiếu tính bền vững càng diễn ra mạnh hơn. Đặc biệt các loài cây thuốc sử dụng toàn

bộ thân, cành, lá, rễ bị cạn kiệt rất nhanh. Các loài có rễ và củ làm thuốc cũng cùng chung tình cảnh, vì sau khi thu hái rễ và củ thì cây không còn có khả năng tồn tại nữa.

Như vậy, người Dao - Ba Vì không chỉ nắm giữ các tri thức về việc phân biệt, thu hái và sử dụng các loài cây thuốc trong tự nhiên, họ cũng đã nhận thấy rõ các nguy cơ suy kiệt các loài cây thuốc đặc biệt do khai thác quá mức mà không có biện pháp bảo tồn các đối tượng cây thuốc đó.

Bảng 2. Đánh giá về hiện trạng tồn tại của các loài cây thuốc có giá trị thông qua cộng đồng người Dao - Ba Vì

STT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Giá trị (điểm)		Mức độ xuất hiện (điểm)	Mức độ thu hái và sử dụng	Mức độ suy giảm nguồn cây thuốc (%)			
			Dược tính	Kinh tế			<25	25-50	51-75	>75
1	<i>Achyranthys aspera</i> L.	Cỏ xước	8	8	2	A				*
2	<i>Acorus gramineus</i> Solan	Thạch xương bồ	10	10	0	A				*
3	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khô	10	10	0	A				*
4	<i>Asarum glabrum</i> Merr	Hoa tiên	10	10	0	A				*
5	<i>Balanophora indica</i> (Arnott) Griff	Củ gió đất	10	10	3	A			*	
6	<i>Callicarpa petelotii</i> Dop	Tử châu Petelot	7	6	3	A		*		
7	<i>Cissus subtetragona</i> Planch.	Hồ đằng	10	10	2	C		*		
8	<i>Clerodendron cryrtophyllum</i> Turcr	Bọ mảy	7	8	3	B			*	
9	<i>Evodia lepta</i> (Spreng) Merr	Ba chạc	7	8	3	C			*	
10	<i>Fibraurea recisa</i> Pierre	Hoàng đằng	10	10	0	A		*		
11	<i>Ficus heterophyllus</i>	Vú chó	10	10	2	A				*
12	<i>Homonoia riparia</i> Lour.	Rì rì	10	9	2	A				*
13	<i>Ilex godajam</i> Colebr	Bùi Gô dăm	8	8	2	A				*
14	<i>Lactuca indica</i>	Bồ công anh	10	6	2	A				*
15	<i>Limacia scandens</i> Lour.	Dây mẽ gà	10	10	1	A		*		
16	<i>Myxopyrum nerosum</i> Bl	Nhương lè gân	8	9	5	A				*
17	<i>Oldenlandia eapitellata</i> Kuntze	Dạ cẩm	10	5	5	A		*		
18	<i>Pandamus tonkinensis</i> Mart. ex Stone	Dứa đại	10	6	5	A		*		
19	<i>Parthenocissus tricuspidata</i> Pl.	Trình đằng ba mũi	10	10	1	C			*	
20	<i>Stephania dielsiana</i> C.Y.Wu	Củ dóm	10	10	0	A				*

21	<i>Strobilanthes pateiformis</i>	Chàm tía	8	9	2	A				*
22	<i>Tinospora sinensis</i> (Lour) Merr	Dây đau xương	7	8	4	A			*	
23	<i>Ventilago leiocarpa</i> Benth.	Cốt khí dây	8	9	3	A				*
24	<i>Viburnum odoratosimum</i> Ker-Gawl.	Vót thom	6	5	7	A			*	
25	<i>Vitex negundo</i> L.	Mạn kinh	9	7	5	C		*		

Nguồn: Kết quả điều tra và thảo luận nhóm nông cốt, 2009. Chú thích: Mức độ thu hái A là >75%, B là 51 - 75%, C là 25 - 50%, và D là <25%.

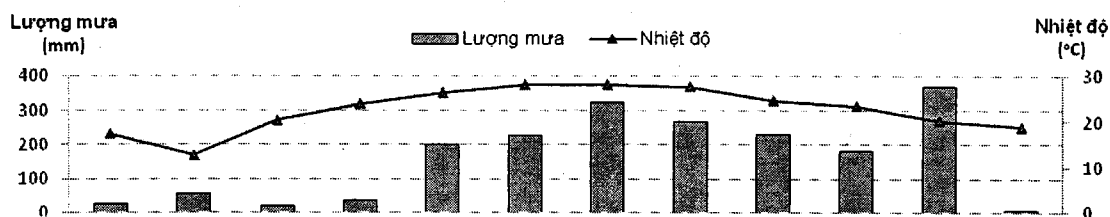
c) Thời vụ thu hái, sơ chế và tiêu thụ cây thuốc của người Dao

Thu hái cây thuốc là một hoạt động quan trọng trong nghề thuốc của người Dao. Thu hái cây thuốc phải dựa theo mùa vụ và thời tiết vì mỗi loài cây thuốc có thời gian sinh trưởng nhất định, hơn nữa giai đoạn sinh trưởng của cây thuốc và thời tiết thu hái ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng chế biến cây thuốc.

Hình 1 cho thấy, mỗi loại cây thuốc có mùa thu hái khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm thực vật học, bộ phận làm thuốc và thời tiết. Trong số các loài cây thuốc được thu hái chủ yếu thì cây Hoa tiên và cây Gió đất có thời vụ thu hái khác các loài còn lại. Hai loài này chỉ được thu hái trong một khoảng thời gian ngắn vào tháng 2 - 3 đối với loài Hoa tiên, tháng 7 - 9 đối với loài Gió đất. Các loài khác được thu hái rải rác

từ tháng 2 đến tháng 11 hàng năm. Tuy nhiên, thời vụ thu hái đa phần các loài cây thuốc tập trung vào tháng 8 đến tháng 11 âm lịch, vì đó là giai đoạn cuối của thời kỳ sinh trưởng, chất lượng dược liệu cao, đặc biệt là các loài cây thuốc cho thân, cành, lá, quả và rễ/rễ củ.

Các cây thuốc sau khi thu hái sẽ được chế biến để sử dụng, cất trữ hoặc bán. Mỗi loại cây thuốc có cách sơ chế, chế biến khác nhau. Cách chế biến và sử dụng thuốc tùy thuộc vào loài cây và cách phối hợp thành phần trong các bài thuốc. Các loại thuốc chủ yếu được chế biến theo 4 phương pháp, đó là: giã, khô sắc, ngâm và tươi sắc. Trong các loài cây thuốc đã điều tra, có 120 loài cây thuốc được chế biến theo phương pháp khô sắc (chiếm chủ yếu), số còn lại dùng phương pháp giã, ngâm và tươi sắc.



Tháng (ÂL)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hoạt động thu hái và chế biến thuốc	Hoa tiên											
	Thu hái hầu hết các loại cây thuốc											
	Băm, cắt; phơi, sấy; sao, tẩm; nấu cao thuốc											
	Mức độ thu hái	0	+	+	+	++	++	++	+++	+++	+++	+++
Tiêu thụ	Bán thuốc (cả năm)											

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm nông cốt, 2009, số liệu khí tượng tổng hợp từ Trạm Khí tượng của VQG Ba Vì. Chú thích: 0: không thu hái, + ít, ++ trung bình, +++ nhiều.

Hình 1. Lịch mùa vụ trong nghề thuốc của người Dao - Ba Vì

3. Khả năng gây trồng và phát triển một số loài cây thuốc của người Dao ở vùng đệm Vườn Quốc gia Ba Vi

a) Hiện trạng gây trồng một số loài cây thuốc trong vườn nhà của người Dao

Kết quả nghiên cứu ghi ở bảng 3 cho thấy, hiện

nay, hầu hết các HGD người Dao ở Ba Vi có nghề thuốc đều tồn tại một vườn thuốc nhỏ với sự đa dạng về loài. Qua điều tra, các loài cây thuốc được trồng và xuất hiện trong vườn hộ gồm 38 loài chủ yếu và chúng được trồng trong vườn của trên 70% số HGD có nghề thuốc.

Bảng 3. Danh sách các loài cây thuốc chủ yếu được gây trồng của HGD người Dao – Ba Vi

TT	Tên khoa học	Tên thường dùng	Lí do	
			Nguyên liệu	Bảo tồn
1	<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet	Cối xay	*	
2	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ xước	*	
3	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khôi	*	*
4	<i>Caesalpinia sappan</i> L.	Vang	*	*
5	<i>Cajanus cajan</i> (L.) Mills	Đậu triều	*	
6	<i>Celosia argentea</i> L.	Mào gà trắng	*	
7	<i>Celosia argentea</i> L. var <i>crinata</i> L.	Mào gà đỏ	*	
8	<i>Celosia argentea</i> L. var <i>crinata</i> L. forma <i>plumosa</i> Bakh	Mào gà vàng	*	
9	<i>Cordyline fruticosa</i> (L.) Goepp var <i>angusta</i> Hort	Huyết dụ	*	
10	<i>Costus speciosus</i> (Koenig) Sm	Mía đỏ	*	
11	<i>Croton tonkinensis</i> Gagnep	Khổ sâm	*	
12	<i>Desmodium styracifolium</i> (Osb) Merr	Kim tiền thảo	*	
13	<i>Elephantopus bulbosa</i> Urban	Tỏi đỏ	*	
14	<i>Excoecaria cochinchinensis</i> Lour. var. <i>cochinchinensis</i>	Đơn đỏ	*	
15	<i>Fibraurea recisa</i> Pierre	Hoàng đằng	*	*
16	<i>Ficus heterophyllus</i>	Vú chó, Vú bò	*	
17	<i>Gardennia angusta</i> (L.) Merr.	Dành dành	*	
18	<i>Glochidion ericarpum</i> Champ	Bọt ếch lông	*	
19	<i>Glycosmis cyamocarpa</i> (Bl.) Spr	Cơm rượu quả xanh	*	
20	<i>Glycosmis pentaphylla</i> Corr	Bưởi bung	*	
21	<i>Hemerocallis fulva</i> L.	Hoa hiên	*	
22	<i>Homalomena aromatica</i> (Roxb)	Thiên niên kiện	*	
23	<i>Homonoia riparia</i> Lour.	Rì rì	*	*
24	<i>Impatiens balsamina</i> L.	Bóng nước	*	
25	<i>Limacia scandens</i> Lour.	Dây mẽ gà	*	*
26	<i>Maesa</i> sp.2	Đơn nem TQ	*	*
27	<i>Morinda umbellata</i> L.	Mặt quỷ	*	
28	<i>Myxopyrum nerosum</i> Bl	Nhương lê gân	*	*
29	<i>Parthenocissus tricuspidata</i> Pl.	Trình đẳng ba mũi	*	*
30	<i>Stephania dielsiana</i> C.Y.Wu	Củ dỏm	*	*
31	<i>Strobilanthes pateiformis</i>	Châm tía	*	*
32	<i>Tadehagi triquerum</i> (L.)	Cổ bình	*	
33	<i>Ventilago leiocarpa</i> Benth.	Cốt khí dây	*	*
34	<i>Viburnum odoratosimum</i> Ker-Gawl.	Vót thom	*	
35	<i>Vitex negundo</i> L.	Mạn kinh	*	
36	<i>Zingiber officinale</i> Rose	Gừng đỏ	*	
37	<i>Zingiber zerumbet</i> (L.) J.E. Sm	Gừng	*	

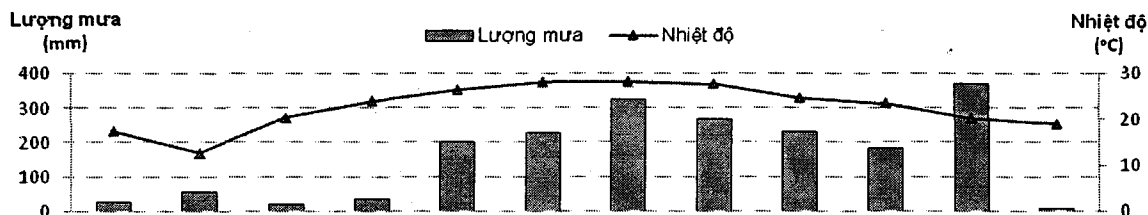
Nguồn: Kết quả điều tra (2009)

Bảng 3 cho thấy, trong số 37 loài cây thuốc có trong vườn HGĐ thì 26 loài cây thuốc được trồng với mục đích làm thuốc là chính, 11 loài cây thuốc được trồng vừa làm thuốc vừa bảo tồn nguồn gen cây thuốc. Tuy nhiên, hầu hết các cây thuốc được gây trồng với quy mô nhỏ lẻ không đáp ứng được nhu cầu của thị trường và công nghiệp chế biến dược phẩm. Hơn nữa, các loài cây thuốc trên là loài dễ gây trồng, sẵn có nguồn giống. Đa phần chúng là các cây có chu kỳ sinh trưởng ngắn (trong 1 năm) nên dễ dàng gieo trồng hoặc tự tái sinh tự nhiên trong vườn. Một số loài thuốc hiếm, lâu năm chủ yếu tồn tại từ dự án hỗ trợ trước đây.

b) Lựa chọn gây trồng và phát triển một số loài cây thuốc có triển vọng

Kiến thức bản địa trong việc gây trồng các loài cây thuốc được lựa chọn

Tri thức bản địa của cộng đồng người Dao ở Ba Vi rất phong phú. Nó được hình thành và tích lũy thông qua cuộc sống, lao động và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Trong nghề thuốc, người Dao không chỉ có các kiến thức bản địa về các loài thực vật làm thuốc, chế biến và sử dụng các bài thuốc mà họ còn biết cách gây trồng một số loài cây thuốc quan trọng. Đã xác định được thời vụ thu hái hạt giống, gieo ươm cây con, thu cây con từ tự nhiên, gây trồng và chăm sóc. Việc xác định đúng mùa vụ gieo trồng là cơ sở khoa học để đảm bảo cây trồng sinh trưởng tốt, thu được năng suất cây trồng cao. Hình 2 cho thấy, đa phần các cây giống, hạt giống đều được gieo trồng vào mùa xuân từ tháng 2-3, đây là mùa mưa xuân rất thuận lợi cho cây sinh trưởng tốt. Quá trình chăm sóc được tiến hành thường xuyên trong suốt chu kỳ canh tác.



Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Củ dóm	Thu cây con trong rừng và trồng											
	Thu hạt giống									Thu hạt giống		
Lá khô	Gieo/trồng			Chăm sóc								
	Thu hạt giống						Gieo ươm hạt trong bầu và chăm sóc					
	Thu cây con trong rừng và ươm cây				Chăm sóc							
	Trồng			Chăm sóc								
Dây me gà, Địa nhàn, Hoàng đằng, Rì rì	Thu cây con trong rừng và ươm cây											
	Trồng			Chăm sóc								
Bóng nước, Cổ bình, Cối xay, Đơn đỏ, Mía dò, Vót thơm											Thu hạt giống	
	Gieo hạt			Chăm sóc								
Chàm tía, Huyết dụ, Trinh đằng ba mũi											Cắt thân, gốc rễ và ươm cây	
	Trồng			Chăm sóc								

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm nông cốt, 2009

Hình 2. Lịch mùa vụ trong gây trồng một số loài cây thuốc của người Dao – Ba Vi

Kỹ thuật cách tác các loài cây thuốc hiện trồng trong các vườn hộ gia đình người Dao khá đơn giản và sơ lược chủ yếu theo hướng quảng canh. Thậm chí có nhiều loài cây thuốc khác còn chưa có một chút kiến thức và kinh nghiệm nào trong việc gây trồng.

Lựa chọn loài cây thuốc có triển vọng gây trồng

Hầu hết các cây thuốc trong vườn HGD đều trồng với quy mô nhỏ: diện tích vườn không lớn, số lượng loài cây thuốc trồng nhiều nhưng không tập trung vào một số loài nhất định nên các cây thuốc trong vườn không đáp ứng được quy mô hàng hoá. Trong khi đó, nhu cầu trồng cây thuốc để phát triển thành quy mô hàng hóa là rất lớn và có ý nghĩa vô

cùng quan trọng. Đặc biệt là hạn chế được tình trạng khai thác bừa bãi với làm giảm tính đa dạng sinh học nguồn cây thuốc trong tự nhiên.

Các cây thuốc được lựa chọn, đề xuất gây trồng phát triển theo hướng hàng hoá là những cây thuốc quan trọng để làm các loại thuốc thông thường, có số HGD sử dụng làm thuốc lớn. Đặc biệt các cây thuốc này đáp ứng được các tiêu chí về: giá trị cao, dễ gây trồng, sẵn có về nguồn giống để mở rộng việc gây trồng và phát triển với quy mô lớn. Trên cơ sở những kiến thức bản địa, kết quả điều tra thông qua thảo luận nhóm nông cốt cũng đã lựa chọn được các loài cây thuốc (bảng 4).

Bảng 4. Các cây thuốc được lựa chọn gây trồng và phát triển của người Dao – Ba Vi

TT	Tên khoa học	Tên thường dùng	Tiêu chí lựa chọn			
			Giá trị	Gây trồng đơn giản	Nguồn giống	Số HGD sử dụng %
1	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khô	10	8	2	100
2	<i>Costus speciosus</i> (Koeng) Sm	Mía dò	10	10	10	100
3	<i>Excoecaria cochinchinensis</i> Lour. var <i>cochinchinensis</i>	Đơn đỏ	10	8	9	100
4	<i>Fibraurea recisa</i> Pierre	Hoàng đằng	10	7	1	100
5	<i>Homonoia riparia</i> Lour.	Rì rì	10	8	3	100
6	<i>Limacia scandens</i> Lour.	Dây mẽ gà	10	10	6	100
7	<i>Parthenocissus tricuspidata</i> Pl.	Trình đằng ba mũi	10	10	10	100
8	<i>Stephania dielsiana</i> C.Y.Wu	Củ dòm	10	9	7	100
9	<i>Strobilanthes pateiformis</i>	Chàm tía	10	7	9	100
10	<i>Viburnum odoratosimum</i> Ker-Gawl.	Vót thom	9	10	10	100

Nguồn: Kết quả thảo luận nhóm nông cốt, 2009

Trong số 10 loài cây thuốc được lựa chọn gây trồng và phát triển theo hướng sản xuất của HGD người Dao, 2 loài được lựa chọn đạt điểm số tuyệt đối, đó là Mía dò và Trình đằng ba mũi. Người dân rất dễ dàng chủ động nguồn giống, chu kỳ sinh trưởng ngắn nên dễ trồng, đồng thời chúng có giá trị sử dụng rất cao vì các bài thuốc chữa các bệnh thông thường không thể thiếu các vị thuốc này. 3 loài cây thuốc khác gồm Lá khô, Hoàng đằng, Củ dòm là các cây thuốc quý hiếm, đây là những cây thuốc đầu vị của các bài thuốc song rất khó tìm được trong tự nhiên ở Ba Vi. Do đó, dù 3 loài này rất khó chủ động được nguồn giống, chu kỳ canh tác dài nhưng người Dao vẫn lựa chọn gây trồng. Các loài còn lại đều đáp ứng được chỉ tiêu đặt ra. Tuy nhiên, hầu hết các cây thuốc trên chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ về

kỹ thuật canh tác, đặc biệt là kỹ thuật nhân giống và thâm canh. Vì vậy, để có thể gây trồng các loài cây thuốc này, cần thiết có sự tham gia nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật từ các nhà khoa học.

IV. KẾT LUẬN

Nghề thuốc của dân tộc Dao tại vùng đệm VQG Ba Vi chủ yếu do người phụ nữ (trên 70%) nơi đây đảm nhiệm, đó là đặc điểm truyền thống của dân tộc này. Trong đó, hoạt động trồng trọt, thu hái và chế biến tập trung chủ yếu ở độ tuổi dưới 50, hoạt động tiêu thụ tập trung ở nhóm phụ nữ trên 50 tuổi.

Người phụ nữ Dao nắm gần như toàn bộ tri thức bản địa về nguồn tài nguyên cây thuốc tại địa phương. Các kiến thức bản địa đó thể hiện qua: Khả năng xác định vị trí và ước lượng số lượng cây thuốc trên các loại hình sử dụng đất khác nhau, trong đó

60% có trong rừng tự nhiên; phân biệt 133 loài cây thuốc của 61 họ thực vật; xác định rõ thời vụ thu hái, chế biến và tiêu thụ cây thuốc; và các kiến thức trong việc gây trồng và phát triển một số loài cây thuốc có giá trị cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2007). Sách Đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2007). Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
3. Võ Văn Chi (1997). Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB Y học, T.P. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Bá Ngãi (1998). Phương pháp đánh giá nông thôn có người dân tham gia (PRA) trong hoạt động khuyến nông khuyến lâm. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
5. Trần Văn Ôn, Đỗ Quyên, Lê Đình Bích, Trần Công Khánh, Jeremy Russel Smith (2001). Kiểm kê

cây thuốc của người Dao ở Vườn quốc gia Ba Vì. Tạp chí Dược, số 12/2001, tr. 9 - 12.

6. Nguyễn Thị Phúc, Trần Bình Đà (2009). Nghiên cứu hiện trạng hoạt động nghề thuốc của người Dao và lựa chọn, gây trồng, phát triển một số loài cây thuốc có giá trị tại xã Ba Vì, huyện Ba Vì, Hà Nội. Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Lâm nghiệp.

7. Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thu Hiền, Đỗ Thị Thu Hà (1998). Tính đa dạng cây thuốc cổ truyền của đồng bào Dao thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Tạp chí Lâm nghiệp, số 9/1998, tr. 59 - 61.

8. Nguyễn Nghĩa Thìn, Đỗ Thị Thu Hà (1998). Nghiên cứu thuốc dân tộc Dao thôn Hợp Nhất, xã Ba Vì, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Tạp chí Dược, (số 268) - tháng 8/1998, tr. 5 - 7.

9. Đào Anh Tuấn, Nguyễn Thị Phúc, Trần Bình Đà (2008). Nghiên cứu đề xuất mô hình canh tác nông lâm kết hợp lấy cây dược liệu làm cơ sở nhằm tăng thu nhập cho hộ gia đình tại vùng đệm Vườn Quốc gia Ba Vì. Chuyên đề nghiên cứu khoa học sinh viên, Trường Đại học Lâm nghiệp.

ASSESSMENT OF STATUS OF EXPLOITATION, UTILIZATION AND CULTIVATION ON NATURAL MEDICINAL PLANTS IN BAVI NATIONAL PARK BUFFER ZONE BASED ON INDIGENOUS KNOWLEDGE

Tran Binh Da, Le Quoc Doanh

Summary

The buffer zone of Ba Vi National Park contains not only biodiversity resources, but also human indigenous knowledge especially knowledge of Dao woman on medicine plant resources. Results of the study shows woman doing more than 70% of medicine works, including growing, collection, processing marketing, and prescription. Growing, collection, processing are mostly taken by under 50 year old women, and prescription is taken by over 50 year old women. Dao woman can identify and collect 133 medicine plant-species belonging to 61 plant families. Using local knowledge to widen growing area is very necessary that reduces the access to natural resource of the park and deals with the demand of herbal medicine market.

Từ khóa: *Medicine plant, Dao ethnic minority, indigenous knowledge.*

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huệ